

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
Bản án số 150/2024/DS-ST  
Ngày 17/09/2024  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Như Trọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hà;  
Bà Nguyễn Thị Nga.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2024/TLST-DS ngày 05/06/2024, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa ra xét xử số 59/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-DS ngày 26/08/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

Ngân hàng A(A1);

Trụ sở chính: Số A3 A4, phường A4, quận A5, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của A1 là:

Ông Ngô Chí A7; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của A1 là:

Ông Đỗ Hoàng A6; chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ KHDN và xử lý nợ pháp lý.

Theo Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN – CTQT ngày 12/07/2023 của

ông Ngô Chí A7.

Người đại diện theo ủy quyền lại của A1 là:

1. Ông Nguyễn Phúc A8; chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ.

2. Ông Giàng A A9; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng B, tòa nhà B1, số B2 B3, quận B4, thành phố Hà Nội.

Theo văn bản ủy quyền số 199/2024/UQ-KHCN ngày 15/3/2024 của ông Đỗ Hoàng A6.

*Bị đơn:*

Ông Bùi Thanh A2, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn B5(nay là thôn B6), xã B7, huyện K, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A(A1) và bị đơn là ông Bùi Thanh A2 vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/03/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng A(A1) do người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:*

*- Về quá trình giao kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ và hợp đồng thế chấp tài sản:*

Ngày 02/01/2020, Ngân hàng A(A1), Chi nhánh Thăng Long cùng với ông Bùi Thanh A2 đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191, với nội dung chính như sau: Số tiền vay: 597.000.000 đồng; thời hạn vay là 96 tháng, tính từ ngày 06/01/2020; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô mới nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0; lãi suất trong hạn: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 7.9%/năm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày 06/01/2020; lãi suất cho vay được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân; hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/01/2021, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được A1 công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.5%/năm; lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng A(A1), Chi nhánh Thăng Long đã giải ngân cho ông Bùi Thanh Hà số tiền 597.000.000 đồng vào tài khoản thanh toán của người thụ hưởng theo yêu cầu của ông Hà.

Ngày 08/09/2020, Ngân hàng A(A1) cùng với ông Bùi Thanh A2 đã ký kết Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2025200249 (Hợp đồng tín dụng số VOCL2025200053 ngày 08/09/2020), với nội dung chính như sau: Số tiền vay: 37.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 08/09/2020 đến ngày 15/08/2023; mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; lãi suất cho vay trong hạn được cố định đến ngày 01//01/2021 là: 19%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng cộng biên độ 11. Lãi suất quá hạn và lãi chậm trả tính theo quy định của A1.

Ngày 23/06/2021, Ngân hàng A(A1) cùng với ông Bùi Thanh A2 đã ký kết Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2117400292 (Hợp đồng tín dụng số VOCL2117400064 ngày 23/06/2021), với nội dung chính như sau: Số tiền vay: 62.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 23/06/2021 đến ngày 15/06/2024; mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; lãi suất cho vay trong hạn được cố định đến ngày 01//10/2021 là: 19%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng cộng biên độ 11. Lãi suất quá hạn và lãi chậm trả tính theo quy định của A1.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên ông Bùi Thanh A2 đã thế chấp cho Ngân hàng Atài sản là: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0, số khung: RPXAB1RSFKV001760, số máy: 192780034VF20SED, biển kiểm soát: 30G-168.70, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 661126 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2019 theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191 ngày 02/01/2020. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/01/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng.

Theo quan điểm của chúng tôi: Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191 ngày 02/01/2020; Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2025200249 ngày 08/09/2020 và Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2117400292 ngày 23/06/2021 được giao kết giữa Ngân hàng A(A1) với ông Bùi Thanh A2 là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Về cách tính lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả được quy định trong Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191 ngày 02/01/2020; Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2025200249 ngày 08/09/2020 và Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2117400292 ngày 23/06/2021 so với các Thông báo/Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A(A1) là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Bùi Thanh A2 không thanh toán đầy đủ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 17/09/2024, ông Bùi Thanh A2 còn nợ Ngân hàng là 997.313.317 đồng, trong đó: Nợ gốc là 563.639.852 đồng và tiền nợ lãi là 433.673.465 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ, Ngân hàng chuyển khoản nợ sang quá hạn và tính lãi quá hạn từ ngày 15/01/2022.

*- Về nơi cư trú của bị đơn:*

Địa chỉ trú của ông Bùi Thanh A2 được ghi trong hợp đồng tín dụng là: Thôn B5, xã B7, huyện K, thành phố Hà Nội và thực tế ông A2 cũng đang cư trú tại địa chỉ này.

Cho đến nay chúng tôi chỉ biết có 01 địa chỉ để liên lạc với khách hàng ông Bùi Thanh A2 là: Thôn B5, xã B7, huyện K, thành phố Hà Nội. Ngoài ra, chúng tôi không biết và cũng không được khách hàng thông báo địa chỉ cư trú hoặc liên lạc nào khác.

*- Về tình trạng tài sản thế chấp và việc xem xét, thẩm định tại chỗ:*

Ông Bùi Thanh A2 là người đang quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0, biển kiểm soát: 30G-168.70. Ông A2 không thông báo cho chúng tôi và chúng tôi cũng không đồng ý cho ông A2 chuyển giao quyền sở hữu,

quản lý, sử dụng chiếc xe nói trên. Theo chúng tôi được biết thì ngoài ông A2 không có ai khác quản lý, sử dụng chiếc xe này.

Khoảng từ đầu năm 2022, chúng tôi đã không cấp xác nhận lưu hành cho chiếc xe nói trên do phía khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp theo yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, ông Bùi Thanh A2 vắng mặt và không đưa tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0, biển kiểm soát: 30G-168.70 đến địa điểm xem xét, thẩm định tại chỗ nên Hội đồng không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được. Ngân hàng nhất trí, không có ý kiến gì về việc xem xét, thẩm định tại chỗ và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nay A1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Bùi Thanh A2 phải thanh toán cho A1 toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 17/09/2024 là 997.313.317 đồng, trong đó: Nợ gốc là 563.639.852 đồng và tiền nợ lãi là 433.673.465 đồng;

2. A1 được quyền tiếp tục tính lãi suất theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế ông Bùi Thanh A2 thanh toán hết nợ cho A1;

3. Trường hợp ông Bùi Thanh A2 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, A1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho A1, cụ thể như sau: Chiếc xe ô tô mang nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0, số khung: RPXAB1RSFKV001760, số máy: 192780034VF20SED, biển kiểm soát: 30G-168.70, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 661126 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2019 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Bùi Thanh A2.

Ngoài ra, A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

*Bị đơn là ông Bùi Thanh A2 trình bày:*

*- Về quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải:*

Ngày 02/01/2020, ông và A1 có ký Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô, số tiền vay là 597.000.000 đồng. Ngày 08/09/2020, ông và A1 có ký Hợp đồng tín dụng, số tiền vay là 37.000.000 đồng. Ngày 23/06/2021, ông và A1 có ký Hợp đồng tín dụng, số tiền vay là 62.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay 597.000.000 đồng là chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0, biển kiểm soát: 30G-168.70.

Quá trình thực hiện hợp đồng có vi phạm, không trả nợ. Số tiền ông đã thanh toán cho Ngân hàng được bao nhiêu ông không nhớ, đề nghị Ngân hàng cung cấp cho ông sao kê số tiền đã thanh toán và còn nợ Ngân hàng.

*Về quan điểm trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Đối với khoản vay 597.000.000 đồng: Ông đề nghị Ngân hàng phối hợp thu hồi xe ô tô để xử lý khoản vay. Từ ngày mua xe ông đã giao chiếc xe này cho ông Mai Thanh C, hiện ông không biết ông C ở đâu.

*Tại phiên tòa hôm nay,*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ, đưa ra yêu cầu mới và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Bùi Thanh A2 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Phía bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Thanh A2 phải trả A1 tổng số tiền nợ của Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191 ngày 02/01/2020; Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2025200249 ngày 08/09/2020 và Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2117400292 ngày 23/06/2021 tính đến hết ngày 17/09/2024 là 997.313.317 đồng, trong đó: Nợ gốc là 563.639.852 đồng và tiền nợ lãi là 433.673.465 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay đến ngày ông A2 thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Bùi Thanh A2 không trả nợ hoặc trả không đủ thì A1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho A1 là: Chiếc xe ô tô mang nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0, số khung: RPXAB1RSFKV001760, số máy: 192780034VF20SED, biển kiểm soát: 30G-168.70, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 661126 do Phòng cảnh sát giao thông

Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2019 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Bùi Thanh A2.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa và người tham gia tố tụng về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về yêu cầu khởi kiện, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối ông Bùi Thanh A2 có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn B5(nay là thôn B6), xã B7, huyện K, thành phố Hà Nội. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng của đương sự:*

Nguyên đơn là Ngân hàng A(A1) vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn là Ngân hàng A(A1).

Bị đơn là ông Bùi Thanh A2 đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên áp dụng khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Thanh A2.

[1.3] *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/03/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu ông Bùi Thanh A2 phải trả tiền phạt chậm trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của A1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền phạt chậm trả lãi đối với ông Bùi

Thanh A2. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút đơn và đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn.

[2] *Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[2.1] *Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:*

Ngày 02/01/2020, Ngân hàng A(A1), Chi nhánh Thăng Long cùng với ông Bùi Thanh A2 đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191, với nội dung chính như sau: Số tiền vay: 597.000.000 đồng; thời hạn vay là 96 tháng, tính từ ngày 06/01/2020; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô mới nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0; lãi suất trong hạn: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 7.9%/năm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày 06/01/2020; lãi suất cho vay được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân; hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/01/2021, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được A1 công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.5%/năm; lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng A(A1), Chi nhánh Thăng Long đã giải ngân cho ông Bùi Thanh A2 số tiền 597.000.000 đồng vào tài khoản thanh toán của người thụ hưởng theo yêu cầu của ông A2.

Ngày 08/09/2020, Ngân hàng A(A1) cùng với ông Bùi Thanh A2 đã ký kết Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2025200249 (Hợp đồng tín dụng số VOCL2025200053 ngày 08/09/2020), với nội dung chính như sau: Số tiền vay: 37.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 08/09/2020 đến ngày 15/08/2023; mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; lãi suất cho vay trong hạn được cố định đến ngày 01/01/2021 là: 19%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng cộng biên độ 11. Lãi suất quá hạn và lãi chậm trả tính theo quy định của A1.



Ngày 23/06/2021, Ngân hàng A(A1) cùng với ông Bùi Thanh A2 đã ký kết Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2117400292 (Hợp đồng tín dụng số VOCL2117400064 ngày 23/06/2021), với nội dung chính như sau: Số tiền vay: 62.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 23/06/2021 đến ngày 15/06/2024; mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; lãi suất cho vay trong hạn được cố định đến ngày 01/10/2021 là: 19%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất tham chiếu áp dụng đối với khoản vay có thời hạn cho vay tương ứng cộng biên độ 11. Lãi suất quá hạn và lãi chậm trả tính theo quy định của A1.

Xét các hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 117, 119, 398, 401 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Điều 7 và Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

[2.2] *Về yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi và phạt chậm trả lãi của nguyên đơn:*

[2.2.1] *Về yêu cầu đòi nợ gốc:*

Thực hiện hợp đồng số LN1912051942191, ngày 06/01/2020, A1, Chi nhánh Thăng Long đã giải ngân số tiền vay bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast số tiền vay 597.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Bùi Thanh A2 tại Đề nghị giải ngân ngày 06/01/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông A2 chưa trả đủ tiền gốc và lãi phát sinh tiếp theo nên đã vi phạm khoản 6 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng. Tính đến hết ngày 17/09/2024, ông A2 đã trả số nợ gốc là 111.937.500 đồng chưa trả số nợ gốc là 485.062.500 đồng.

Thực hiện hợp đồng số LD2025200249, ngày 08/09/2020, A1 đã giải ngân số tiền vay vào tài khoản thanh toán của Công ty bảo hiểm toàn cầu GIC mở tại A1 và tài khoản thanh toán của ông A2 tại A1 số theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông A2 chưa trả đủ tiền gốc và lãi phát sinh tiếp theo nên đã vi phạm khoản 5 Điều 2 của Hợp đồng cho vay. Tính đến

hết ngày 17/09/2024, ông A2 đã trả số nợ gốc là 3.143.239 đồng chưa trả số nợ gốc là 23.560.529 đồng.

Thực hiện hợp đồng số LD2117400292, ngày 23/06/2021, A1 đã giải ngân số tiền vay vào tài khoản thanh toán của Công ty bảo hiểm toàn cầu GIC mở tại A1 và tài khoản thanh toán của ông A2 tại A1 số theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông A2 chưa trả đủ tiền gốc và lãi phát sinh tiếp theo nên đã vi phạm khoản 5 Điều 2 của Hợp đồng cho vay. Tính đến hết ngày 17/09/2024, ông A2 đã trả số nợ gốc là 6.983.177 đồng chưa trả số nợ gốc là 55.016.823 đồng.

Xét yêu cầu đòi nợ gốc của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và phía bị đơn thừa nhận nên Tòa án buộc ông A2 thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc của Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191 ngày 02/01/2020 là 485.062.500 đồng; số nợ gốc của Hợp đồng cho vay số LD2025200249 ngày 08/09/2020 là 23.560.529 đồng và Hợp đồng cho vay số LD2117400292 ngày 23/06/2021 là 55.016.823 đồng. Tổng cộng, buộc ông A2 phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc của 03 Hợp đồng cho vay là 563.639.852 đồng.

*[2.2.2] Về yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn:*

Nay Ngân hàng yêu cầu ông A2 trả số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 17/09/2024 của Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191 ngày 02/01/2020; Hợp đồng cho vay số LD2025200249 ngày 08/09/2020 và Hợp đồng cho vay số LD2117400292 ngày 23/06/2021 là 433.673.465 đồng. Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng tính số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và các Quyết định/Thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay. Phía bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Do vậy, căn cứ vào Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông A2 phải trả số tiền lãi tính đến ngày 17/09/2024 của Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191 ngày 02/01/2020; Hợp đồng cho vay số LD2025200249 ngày 08/09/2020 và Hợp đồng cho vay số LD2117400292 ngày 23/06/2021 là 433.673.465 đồng.

Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 13, 14, 18, 20 và Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử buộc: Ông Bùi Thanh A2 phải trả nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô

số LN1912051942191 ngày 02/01/2020; Hợp đồng cho vay số LD2025200249 ngày 08/09/2020 và Hợp đồng cho vay số LD2117400292 ngày 23/06/2021 cho A1 tạm tính đến hết ngày 17/09/2024 là 997.313.317 đồng, trong đó: Nợ gốc là 563.639.852 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn là 433.673.465 đồng.

Kể từ ngày 18/09/2024, ông A2 còn phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[2.3] *Về hợp đồng thế chấp và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn:*

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Bùi Thanh A2 đã thế chấp đã thế chấp cho Ngân hàng Atai sản là: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0, số khung: RPXAB1RSFKV001760, số máy: 192780034VF20SED, biển kiểm soát: 30G-168.70, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 661126 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2019 theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191 ngày 02/01/2020. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/01/2020 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của ông A2 phát sinh từ hợp đồng này và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa ông A2 với A1.

Xét hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định tại các Điều 317 và Điều 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng trình bày hiện nay chiếc xe ô tô này vẫn thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng của ông A2. Ông A2 không thông báo cho Ngân hàng và Ngân hàng cũng không đồng ý cho ông A2 chuyển giao quyền sở hữu, quản lý, sử dụng chiếc xe nói trên cho người khác. Ông A2 thì cho rằng đã giao chiếc xe nói trên cho ông Mai Thanh C. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu ông A2 cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giao xe giữa ông với ông Mai Thanh C và cung cấp họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của ông Mai Thanh C để Tòa án có cơ sở xem xét, giải quyết nhưng ông A2 không cung cấp cho Tòa án các thông tin và tài liệu, chứng cứ nói trên. Do vậy, không có cơ sở để xác định ông Mai Thanh C là người đang quản lý, sử dụng chiếc xe nói trên.

Toà án đã ra Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ và yêu cầu ông A2 đưa chiếc xe ô tô nói trên đến trụ sở UBND xã B7, huyện K để tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp nhưng ông A2 không đưa chiếc xe ô tô nói trên đến địa điểm xem xét, thẩm định nên Tòa án không thể tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã có Công văn số 409/2024/CV-TA ngày 18/07/2024 và Công văn số 505/2024/CV-TA ngày 09/09/2024 gửi đến Phòng Cảnh sát giao thông, Công an thành phố Hà Nội để yêu cầu cung cấp thông tin về tình trạng chủ sở hữu của chiếc xe ô tô VINFAST Lux A 2.0, biển kiểm soát 30G-168.70 nhưng đến nay Tòa án chưa nhận được trả lời từ phía Phòng Cảnh sát giao thông, Công an thành phố Hà Nội.

Tại Công văn số 2651/ĐKVN-VAR ngày 30/07/2024 của Cục Đăng kiểm Việt Nam thể hiện: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0, số khung: RPXAB1RSFKV001760, số máy: 192780034VF20SED, biển kiểm soát: 30G-168.70 được kiểm định gần nhất vào ngày 01/07/2024, hạn kiểm định ngày 30/06/2026; đơn vị kiểm định là Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 18-03D.

Như vậy, chiếc xe ô tô nói trên vẫn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông A2, không có sự chuyển dịch quyền sở hữu cho người khác. Chiếc xe này là tài sản thế chấp được bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của ông A2 phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được giao kết giữa ông A2 với A1 nên khi ông A2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng thì A1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[3] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 117, 119, 317, 319, 398, 401 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 29/09/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Áp dụng Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A(A1) đối với ông Bùi Thanh A2.

2. Buộc ông Bùi Thanh A2 phải trả cho Ngân hàng A(A1) số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số LN1912051942191 ngày 02/01/2020; Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2025200249 ngày 08/09/2020 và Hợp đồng cho vay (Áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh A1 Online) số LD2117400292 ngày 23/06/2021, tính đến hết ngày 17/09/2024 là 997.313.317 đồng, trong đó: Nợ gốc là 563.639.852 đồng và tiền nợ lãi là 433.673.465 đồng .

Kể từ ngày 18/09/2024, ông Bùi Thanh A2 còn phải tiếp tục thanh toán cho A1 các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp

tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp ông Bùi Thanh A2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo mục 2 của quyết định bản án cho Ngân hàng A(A1) thì Ngân hàng A(A1) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST Lux A 2.0, số khung: RPXAB1RSFKV001760, số máy: 192780034VF20SED, biển kiểm soát: 30G-168.70 thuộc sở hữu của ông Bùi Thanh A2 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

4. Đình chỉ việc giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng A đã rút về việc đòi ông Bùi Thanh A2 trả số tiền phạt chậm trả lãi.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Hoàn trả Ngân hàng A(A1) 18.871.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004212 ngày 04/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hà Nội.

5.2. Buộc ông Bùi Thanh A2 phải nộp 41.919.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm; nguyên đơn là Ngân hàng A(A1) và bị đơn là ông Bùi Thanh A2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Như Trọng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**